Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0507.90.20

Mã HS	0507.90.20
Mô tả hàng hóa	Ngà, mai động vật họ rùa, lược cá voi (phiến sừng hàm trên) và hàm răng lược cá voi, sừng, gạc, móng guốc, móng, vuốt và mỏ, chưa xử lý hoặc đã sơ chế nhưng chưa cắt thành hình; bột và phế liệu từ các sản phẩm trên / - Loại khác: / - - Mai động vật họ rùa
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 08:41:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/05079020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K953
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N953
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q953
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E941
ATIGA	2022	2022	0	AT!E942
ATIGA	2023	2023	0	AT!F942
ATIGA	2024	2024	0	AT!G942
ATIGA	2025	2025	0	AT!H942
ATIGA	2026	2026	0	AT!I942
ATIGA	2027	2027	0	AT!J942
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E944
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F944

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G944
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H944
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I944
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J944
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E946
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F946
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G946
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H946
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I946
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J946
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F948
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H943
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F944
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G944
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H944
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I944
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J944
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K944
VKFTA	2022	2022	0	VK!E942
VKFTA	2023	2023	0	VK!F942
VKFTA	2024	2024	0	VK!G942
VKFTA	2025	2025	0	VK!H942
VKFTA	2026	2026	0	VK!I942
VKFTA	2027	2027	0	VK!J942
VCFTA	2022	2022	0	VC!D953
VCFTA	2023	2023	0	VC!E953

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F953
VCFTA	2025	2025	0	VC!G953
VCFTA	2026	2026	0	VC!H953
VCFTA	2027	2027	0	VC!I953
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D950
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E950
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F950
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G950
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H950
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I950
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D959
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E959
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F959
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G959
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H959
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I959
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D943
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E943
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F943
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G943
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H943
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I943
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D945
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E945
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F945
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G945

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H945
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I945
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D943
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E943
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F943
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G943
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H943
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I943
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J943
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D946
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E946
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F946
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G946
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H946
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I946
RCEP B	2022	2022	0	B!D946
RCEP B	2023	2023	0	B!E946
RCEP B	2024	2024	0	B!F946
RCEP B	2025	2025	0	B!G946
RCEP B	2026	2026	0	B!H946
RCEP B	2027	2027	0	B!I946
RCEP C	2022	2022	0	C!D946
RCEP C	2023	2023	0	C!E946
RCEP C	2024	2024	0	C!F946
RCEP C	2025	2025	0	C!G946
RCEP C	2026	2026	0	C!H946

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I946
RCEP D	2022	2022	0	D!D946
RCEP D	2023	2023	0	D!E946
RCEP D	2024	2024	0	D!F946
RCEP D	2025	2025	0	D!G946
RCEP D	2026	2026	0	D!H946
RCEP D	2027	2027	0	D!I946
RCEP E	2022	2022	0	E!D946
RCEP E	2023	2023	0	E!E946
RCEP E	2024	2024	0	E!F946
RCEP E	2025	2025	0	E!G946
RCEP E	2026	2026	0	E!H946
RCEP E	2027	2027	0	E!I946
RCEP F	2022	2022	0	F!D946
RCEP F	2023	2023	0	F!E946
RCEP F	2024	2024	0	F!F946
RCEP F	2025	2025	0	F!G946
RCEP F	2026	2026	0	F!H946
RCEP F	2027	2027	0	F!I946
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F916
VIFTA	2025	2025	4	VI!G916
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H916
VIFTA	2027	2027	3	VI!I916

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Dược liệu làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM11)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0507.90 có 2 dòng thuế; dòng 0507.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Mai động vật họ rùa.	0507.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0507.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 0507.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N953), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)
Dược liệu làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM11)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.